

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 398/2024/HCPT

Ngày: 23/7/2024.

V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh

Các Thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng;

Ông Trần Xuân Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 187/2024/TLPT-HC ngày 20 tháng 5 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7424/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Cụ Nguyễn Bá T, sinh năm 1943 (đã chết ngày 12/08/2023). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

- Cụ Dương Thị L, sinh năm 1947;

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967;

- Ông Nguyễn Bá H1, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Số nhà A đường N, tổ dân phố K, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội;

+ **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị Kim T1 (có mặt), ông Nguyễn Văn Đ (vắng mặt) - Văn phòng luật sư Nguyễn Thanh thuộc Đoàn luật sư thành phố H;

* **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn H2 - Phó Chủ tịch UBND huyện G; có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác:*

1. Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội; Vắng mặt.
2. Bà Dương Thị L, sinh năm 1947; Vắng mặt và ủy quyền cho bà H.
3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; Có mặt.
4. Ông Nguyễn Bá H1, sinh năm 1970; Vắng mặt và ủy quyền cho bà H.
5. Chị Phạm Thị T2, sinh năm 1974; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
6. Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1996; Có mặt.
7. Chị Nguyễn Thị Kiều H3, sinh năm 1994; Có mặt.

Cũng địa chỉ: Số A đường N, tổ dân phố K, thị trấn C, huyện G, thành phố Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của cụ Nguyễn Bá T và các lời khai tiếp theo của bà Nguyễn Thị H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Bá T đã trình bày:

Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 địa chỉ Tổ dân phố K, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội có nguồn gốc là đất của tổ tiên để lại. Trong thời kỳ cải cách ruộng đất gia đình đã hiến cho Hợp tác xã hơn 1.000m², sau đó được cấp lại một phần thửa đất. Năm 2002, UBND huyện G đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt: GCNQSD đất), trong đó ghi 300m² đất ở và 232m² đất vườn. Thực tế gia đình sử dụng 589,9m². Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đ - D, huyện G, thành phố Hà Nội. Năm 2016, gia đình nhận được Thông báo về việc thu hồi đất. Theo đó gia đình bị thu hồi 72,8m² trong tổng số diện tích đất sử dụng.

Ngày 12/7/2019, gia đình nhận được Quyết định số 920/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định số 937/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư do UBND huyện G ban hành ngày cùng 19/01/2018, theo đó gia đình bị thu hồi 72,8m² đất để thực hiện dự án. Kèm theo các quyết định là phương án chi tiết như sau:

- + 58,8m² đất ở được bồi thường với đơn giá 10.065.000 đồng/m².
- + 05m² đất ở do sai số đo đạc không cấp vào GCNQSD đất, vượt hạn mức công nhận đất ở, được bồi thường với đơn giá 10.065.000 đồng/m².
- + 09m² đất khác, không được bồi thường.

Ngoài ra còn được bồi thường tài sản trên đất.

Tổng số tiền được bồi thường theo phương án là: 664.544.399 đồng.

Ngày 30/9/2019 gia đình nhận được Quyết định số 6581/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện G về việc cưỡng chế thu hồi đất. Gia đình đã làm đơn kiến nghị, đề nghị thu hồi 72,8m² là đất vườn không phải là đất ở

nghị phương án. Hộ gia đình đề nghị được bồi thường bằng đất ở, không nhận bằng tiền. Ngày 21/3/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện G ban hành văn bản số 54/TTPTQĐ-GPMB về việc trả lời kiến nghị của hộ gia đình với nội dung đề nghị của gia đình là không có cơ sở.

Ngày 11/10/2019, gia đình làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của UBND huyện G về việc thu hồi đất.

- Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của UBND huyện G về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ

- Quyết định số 6581/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện G về việc cưỡng chế thu hồi đất

- Đề nghị được bồi thường 09m² đất theo giá đất ở.

- Đề nghị xác định lại nhân khẩu sống trên đất bị thu hồi là 07 người và được bố trí 01 suất tái định cư.

Ý kiến của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện G:

Ngày 30/10/2015, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 5809/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đ - D thuộc huyện G, thành phố Hà Nội. Ngày 08/4/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H ban hành văn bản số 2839/STNMT-QHKTSDĐ về việc hướng dẫn xác định ranh giới khu đất thu hồi phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đ - D, huyện G, thành phố Hà Nội.

Ngày 15/7/2016, UBND huyện G ban hành Thông báo số 1148/TB-UBND về việc thu hồi 72,8m² đất của hộ gia đình cụ Nguyễn Bá T tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13, thị trấn T, huyện G, Hà Nội. Ngày 10/2/2017, UBND thị trấn T có Giấy xác nhận việc sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất của cụ Nguyễn Bá T. Ngày 01/12/2017, UBND thị trấn T ban hành thông báo số 188/TB-UBND về việc niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ của 11 hộ dân thuộc các tổ dân phố A và Kiên T3 có diện tích đất bị thu hồi để thực hiện dự án và lập Biên bản niêm yết trong đó có hộ cụ Nguyễn Bá T. Ngày 12/12/2017, UBND thị trấn T lập Biên bản kết thúc công khai dự thảo phương án bồi thường của 11 hộ dân. Ngày 28/12/2017, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án có biên bản họp thống nhất phương án. Ngày 04/01/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất có tờ trình số 06/TTr. Ngày 12/01/2018, Phòng T4 có tờ trình số 87/TTr.

Ngày 19/01/2018, UBND huyện G ban hành Quyết định số 920/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với gia đình cụ Nguyễn Bá T với diện tích 72,8m². Cùng ngày ban hành Quyết định số 937/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Theo đó hộ cụ Nguyễn Bá T được bồi thường tổng số tiền 664.544.399 đồng.

Ngày 12/2/2018, hộ gia đình làm đơn kiến nghị đề nghị thu hồi 72,8m² là đất vườn không phải là đất ở như phương án. Hộ gia đình đề nghị được bồi

thường bằng đất thay vì nhận bằng tiền. Ngày 21/3/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện G ban hành Văn bản số 54/TTPTQĐ- GPMB về việc trả lời kiến nghị với nội dung đề nghị của gia đình là không có cơ sở.

Ngày 19/7/2018, UBND thị trấn T phối hợp với các phòng ban tổ chức tuyên truyền các hộ dân nhận tiền bồi thường. Ngày 08/9/2018, UBND thị trấn T có báo cáo số 147/BC-UBND về công tác tuyên truyền vận động 14 hộ dân có đất bị thu hồi chưa nhận tiền và chưa bàn giao mặt bằng.

Ngày 17/9/2019, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 6581/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Các hoạt động về việc thu hồi, phê duyệt phương án bồi thường, cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ cụ Nguyễn Bá T được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của UBND thị trấn T:* Nguồn gốc đất hộ cụ Nguyễn Bá T bị thu hồi để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường Đ - D, huyện G, thành phố Hà Nội thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 tại tổ dân phố K, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội. Thửa đất trên, cụ Nguyễn Bá T đã được UBND huyện G cấp Giấy CNQSD đất ngày 19/7/2002 với diện tích 532m² (trong đó có 300m² đất ở; 232m² đất vườn). Ngày 19/01/2018, UBND huyện G ban hành Quyết định số 920/QĐ-UBND về việc thu hồi 72,8m² đất ở của cụ Nguyễn Bá T để thực hiện dự án. Diện tích còn lại 473,2m² (gồm 241,2m² đất ở và 232m² đất vườn). Thời điểm thu hồi đất hộ gia đình cụ Nguyễn Bá T có 01 nhân khẩu đang trực tiếp sinh sống trên đất là bà Nguyễn Thị H (con cụ Nguyễn Bá T).

- *Ý kiến của cụ Dương Thị L, ông Nguyễn Bá H1:* Nhất trí ý kiến của bà Nguyễn Thị H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm c khoản 1 Điều 123, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Đất đai năm 2013, Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H ban hành quy định về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của cụ Dương Thị L, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Bá H1 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Bá T yêu cầu hủy:

- Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của UBND huyện G về việc thu hồi đất.

- Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của UBND huyện G về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ

- Quyết định số 6581/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện G về việc cưỡng chế thu hồi đất

- Bác các yêu cầu khác của người khởi kiện.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01 tháng 02 năm 2024 bà Nguyễn Thị H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đơn kháng cáo; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bà H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính

Về nội dung: Quyết định 920/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của UBND huyện G về việc thu hồi đất và Quyết định 937/QĐ-UBND ngày 19/01/2028 của UBND huyện G về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Về xác nhận nhân khẩu: Bà Nguyễn Thị H cho rằng tổng số nhân khẩu sinh sống tại địa chỉ thu hồi đất là 07 nhân khẩu, theo giấy xác nhận ngày 27/9/2017 của UBND thị trấn T số nhân khẩu trực tiếp sinh sống tại địa chỉ nơi thu hồi đất là tổ dân phố K, thị trấn T là 01 người cụ thể là bà Nguyễn Thị H. Tại thời điểm thu hồi đất cụ T, cụ L, ông H1, bà T2, chị Kiều H3, anh Đức A sinh sống tại tổ dân phố K, thị trấn T (số nhà A đường N, tổ dân phố K (mới đổi tổ dân phố K), thị trấn T. Do vậy, bà H cho rằng gia đình bà có 07 nhân khẩu sống tại địa chỉ thu hồi đất là sai.

Về yêu cầu được 01 suất tái định cư, thấy rằng gia đình bà H bị thu hồi 72,8m² đất trong tổng 589,9m² đất sử dụng. Sau khi thu hồi hiện trạng sử dụng còn 517m². Trong đó xác định diện tích còn lại 473,2m², hiện trạng vẫn còn nhà cấp 4 trên đất bà H đang sử dụng để ở. Đối chiếu với Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/10/2017 của UBND thành phố H thì gia đình bà H không được xét tái định cư là đúng quy định.

Đối với kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định 6581/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện G về việc cưỡng chế thu hồi đất: Do gia đình ông T không lấy tiền bồi thường và không chịu bàn giao mặt bằng, ngày 19/7/2018, UBND thị trấn T phối hợp phòng ban tổ chức tuyên truyền các hộ dân lấy tiền bồi thường, trong đó có hộ ông Nguyễn Bá T. Ngày 08/9/2018, UBND thị trấn T có Báo cáo số 147 về công tác tuyên truyền vận động 14 hộ dân có đất bị thu hồi chưa nhận tiền và bàn giao mặt bằng, trong đó có hộ ông Nguyễn Bá T, do đó ngày 17/9/2019 Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 6581 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông T là đúng quy định của pháp luật. Ngày 11/10/2019, ông T và bà L đã ký biên bản tự nguyện bàn giao mặt bằng.

Từ những phân tích trên, đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Kháng cáo của bà Nguyễn Thị H có nội dung và hình thức phù hợp, trong thời hạn, theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật Tố tụng hành chính, thuộc đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến lần thứ 2. Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt nhưng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt hoặc người đại diện theo ủy quyền đã có mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính để xét xử vụ án.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, đúng thời hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

[4.1] Xét Quyết định số 920/QĐ-UBND và Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của UBND huyện G về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất: Dự án xây dựng tuyến đường Đ - D, huyện G, thành phố Hà Nội thu hồi đất theo khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 là trường hợp “*Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng*”. Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Đất đai năm 2013, Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND thành phố H về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của UBND huyện G, Thông báo số 1148/TB-UBND ngày 15/7/2016 của UBND huyện G về việc thu hồi đất, Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H ban hành quy định về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì UBND huyện G ban hành Quyết định số 920/QĐ-UBND và 937/QĐ-UBND cùng ngày 19/01/2018 về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[4.2] Theo Giấy xác nhận về việc sử dụng đất, về các tài sản gắn liền với đất ngày 27/9/2017 của UBND thị trấn T thể hiện: Tổng diện tích cụ Nguyễn Bá T đang sử dụng là 589,9m². Hộ cụ Nguyễn Bá T được UBND huyện G cấp Giấy CNQSD đất ngày 19/7/2002 với diện tích 532m² (trong đó có 300m² đất ở và 232m² đất vườn) tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 13 thuộc tổ dân phố K, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội. Diện tích thu hồi tại dự án là 72,8m². Trong đó: 58,8m² đất ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002; 05m²

là diện tích do sai số đo đạc khi lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*vượt hạn mức công nhận đất ở*) và 09m² đất là do gia đình sử dụng của phần diện tích lưu không nương do UBND dân thị trấn T quản lý, thời điểm sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004. Số nhân khẩu trực tiếp sinh sống tại địa chỉ nơi thu hồi đất ở: 01 người cụ thể bà Nguyễn Thị H.

[4.3] Về chính sách bồi thường, hỗ trợ: Theo Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H ban hành quy định về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 6714/QĐ-UBND ngày 17/12/2016 của UBND thành phố H phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường, vị trí thu hồi đất hộ cụ Nguyễn Bá T là vị trí 3 (từ giáp đường N đi qua tổ dân phố K đến giáp đường T đến hết địa phận thị trấn T) có hệ số điều chỉnh làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng là 1,5 lần so với giá đất ở cùng vị trí tại Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 31/12/2014. Tương ứng với giá đất khi bồi thường giải phóng mặt bằng là 10.065.000 đồng/m².

Căn cứ vào những quy định nêu trên, UBND huyện G phê duyệt phương án bồi thường tại Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 đối với hộ gia đình cụ Nguyễn Bá T như sau:

- + 63,8m² đất ở được bồi thường với đơn giá 10.065.000 đồng/m² tỷ lệ bồi thường 100% = 642.147.000 đồng;

- + Bồi thường tài sản trên đất: 02 trụ cổng, cổng sắt khung lưới B40; 01 giếng khoan sâu 25; tường rào bờ trụ xây trên đất nông nghiệp do UBND thị trấn Trâu Quỳ quản lý (sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004) được bồi thường 50% giá trị, tổng tiền bằng 31.060.399 đồng.

- + Cây cối: 7.112.000 đồng. Ngoài ra còn được thưởng tiền độ bàn giao: 1.000.000 đồng.

Tổng số tiền được nhận: 644.544.399 đồng.

- + Đối với 09m² đất gia đình tự sử dụng ra đất lưu không nương do thị trấn Trâu Quỳ quản lý, thời điểm sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 thì không được bồi thường là đúng quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật Đất đai.

Với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Quyết định 937/QĐ-UBND của UBND huyện G về việc phê duyệt phương án bồi thường có nội dung đúng với quy định của UBND thành phố H và quy định của Luật Đất đai năm 2013.

[4.4] Về xác nhận nhân khẩu của gia đình đang sinh sống trên thửa đất khi bị Nhà nước thu hồi đất: Bà Nguyễn Thị H cho rằng tổng số nhân khẩu sinh sống tại địa chỉ thu hồi đất là 07 nhân khẩu. Ngày 27/9/2017 của UBND thị trấn T có giấy xác nhận thể hiện số nhân khẩu trực tiếp sinh sống tại địa chỉ nơi thu hồi đất ở là tổ dân phố K, thị trấn T, G có 01 người là bà Nguyễn Thị H. Xác nhận của UBND thị trấn T phù hợp với “Sổ hộ khẩu gia đình cụ Nguyễn Bá T” (Bút lục 11-13) cấp năm 1992 thể hiện cho đến năm 1996, hộ gia đình cụ Nguyễn Bá T có 07 người gồm: Cụ Nguyễn Bá T, cụ Dương Thị L (vợ), bà Nguyễn Thị H (con), ông Nguyễn Bá H1 (con), bà Phạm Thị T2 (con dâu), chị

Nguyễn Thị Kiều H3 (cháu nội), anh Nguyễn Đức A (cháu nội) sinh sống tại địa chỉ thôn K, thị trấn T, huyện G. Tuy nhiên ngày 26/10/2005 cả hộ gia đình đã thay đổi địa chỉ chuyển đến thửa đất khác thuộc tổ dân phố K (Bút lục 11) - Theo lời trình bày của bà H tại phiên tòa phúc thẩm thì thửa đất này gia đình mua của chính quyền địa phương, nay là số nhà A đường N, tổ dân phố K (hiện đổi tên lại là tổ dân phố K), thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội. Do vậy bà H cho rằng tại thời điểm thu hồi đất năm 2018 gia đình bà có 07 nhân khẩu sinh sống tại địa chỉ thu hồi đất là không đúng.

[4.5] Về yêu cầu được sử dụng 01 suất đất tái định cư: Gia đình bà H bị thu hồi 72,8m² đất trong tổng số 589,9m² đất sử dụng. Sau khi thu hồi hiện trạng sử dụng còn 517m². Trong đó được xác định diện tích còn lại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 473,2m² (gồm 241,2m² đất ở và 232m² đất vườn). Trên thửa đất này hiện vẫn còn ngôi nhà cấp 4 bà H đang ở. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư quy định: *“Trường hợp hộ gia đình có nhiều cặp vợ chồng hoặc đông nhân khẩu (có từ 7 (bảy) nhân khẩu trở lên) ăn ở thường xuyên tại địa chỉ giải phóng mặt bằng từ trước khi có Thông báo thu hồi đất và có diện tích đất ở bị thu hồi lớn hơn hoặc bằng tổng của hạn mức giao đất ở mới tối đa cộng với hạn mức giao đất ở tối thiểu tại địa phương: Được giao thêm 01 suất đất tái định cư với diện tích bằng hạn mức giao đất ở mới tối thiểu tại địa phương”*. Đối chiếu điều kiện trên thì gia đình bà Nguyễn Thị H không được xét cấp đất tái định cư là đúng.

[5] Xét Quyết định số 6581/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện G về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Do gia đình cụ Nguyễn Bá T không nhận tiền bồi thường và không chịu bàn giao mặt bằng nên ngày 19/7/2018, UBND thị trấn T phối hợp với các phòng ban chuyên môn tổ chức tuyên truyền đề nghị các hộ dân nhận tiền bồi thường trong đó có hộ cụ Nguyễn Bá T. Ngày 08/9/2018, UBND thị trấn T có báo cáo số 147/BC-UBND về công tác tuyên truyền vận động 14 hộ dân có đất bị thu hồi chưa nhận tiền và chưa bàn giao mặt bằng trong đó có hộ cụ Nguyễn Bá T. Vì vậy ngày 17/9/2019 Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định số 6581/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình cụ Nguyễn Bá T là có căn cứ, đúng thẩm quyền, nội dung đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, ngày 11/10/2019, cụ Nguyễn Bá T và cụ Dương Thị L đã ký biên bản tự nguyện bàn giao mặt bằng cho Hội đồng giải phóng mặt bằng.

[6] Từ các phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật cả về tố tụng và nội dung. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và là người đại diện theo ủy quyền của cụ L, ông H1 cũng như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện về việc đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc bác

kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Cụ Nguyễn Bá T khi khởi kiện là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án cụ Nguyễn Bá T đã chết. Bà Nguyễn Thị H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện, do đó Tòa án cấp phúc thẩm cũng sẽ miễn án phí phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị H mặc dù kháng cáo của bà không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 11/2024/HC-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.
2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị H.
3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, VP, HCTP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh